

Bản án số: 180/2024/DS-ST

Ngày: 19-8-2024

V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản
(Quyền sử dụng đất)”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Trần Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lữ Tấn Thiên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16, ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 417/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 07 năm 2022 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024 và thông báo mở lại phiên tòa số 08/TB-TA ngày 02 tháng 07 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Chúc M, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Bà Phan Thị G, sinh năm 1960 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Trần Thanh P, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị T (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Trần Nô E (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

3. Ông Trần Anh T1 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

4. Ông Trần Pha D (Trần Phan D1), sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Chúc M trình bày:

Năm 2014, bà Lê Chúc M được bà Trịnh Thị N tặng cho phần đất tại thửa số 132, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau có diện tích là 8.481,2 m² và được Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền số BO 842881 ngày 20 tháng 02 năm 2014. Nguồn gốc đất là của bà Trịnh Thị N là mẹ ruột của bà tặng cho. Khi nhận đất, bà M phát hiện ở trên phần đất có căn nhà của gia đình ông Trần Thanh P và bà Phan Thị G đang sinh sống, bà đã báo với chính quyền địa phương yêu cầu ông P, bà G di dời nhà và vật kiến trúc trên đất trả lại hiện trạng đất cho bà. Ủy ban nhân dân xã P đã tiến hành nhiều cuộc hòa giải yêu cầu hộ ông P trả lại đất nhưng ông P không đồng ý trả lại đất. Bà Lê Chúc M làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Tân giải quyết buộc hộ ông Trần Thanh P và bà Phan Thị G di dời căn nhà, các vật dụng khác ra khỏi phần đất, trả lại cho bà phần đất có chiều ngang 07m, chiều dài 15m, tổng diện tích là 105m². Ngày 05 tháng 6 năm 2023, bà có đơn khởi kiện bổ sung, theo kết quả đo đạc thực tế diện tích đất ông P lấn chiếm đất của bà là 275,8m². Ngày 15 tháng 8 năm 2024, bà M thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo kết quả đo đạc thực tế ngày 30 tháng 3 năm 2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn P2, diện tích đất đo đạc thực tế là 172,8m².

Tại phiên tòa bà giữ nguyên yêu cầu, bà yêu cầu buộc ông Trần Thanh P, bà Phan Thị G và những người con của ông P, bà G di dời tài sản, công trình kiến trúc trên đất trả lại cho bà phần đất có diện tích 172,8m², đất tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà, buộc ông Trần Thanh P, bà Phan Thị G và những người con của ông P trả lại đất thì bà đồng ý hỗ trợ cho ông P, bà G số tiền giá trị nhà, công trình kiến trúc và cây trồng trên đất theo chứng thư thẩm định giá ngày 14/4/2023 của Công ty cổ phần Đ với số tiền là 33.147.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 30 tháng 8 năm 2022 và tại phiên tòa ông Trần Thanh P trình bày:

Ông cho rằng phần đất ông đang cất nhà ở hiện nay tại ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau, tổng diện tích là 13.516m² trong đó phần đất tranh chấp có diện tích là 172,8m² là do cha, mẹ vợ ông tặng cho (Cha vợ tên Phan Thanh D2, mẹ Trình Thị T2) vào năm 1992, việc tặng cho không có lập giấy tờ, chỉ cho bằng miệng. Ông đã quản lý, sử dụng và ở trên phần đất này từ năm 1992 đến năm 2000 cất nhà kiên cố (Nhà xây tường, mái lợp tôn xi măng). Về nguồn gốc đất, ông thừa nhận nguồn gốc đất là của ông Trịnh Văn M1 (Ông cố ngoại bà M) khai phá vào khoảng

năm 1930. Khoảng năm 1956 ông M1 cho lại ông Trịnh Văn C (ông ngoại bà M), đến năm 1976 ông C có tặng cho lại ông Phan Thanh D2 một phần đất, trong đó có diện tích đất ông đang ở. Việc tặng cho giữa ông C và ông D2 không có làm văn bản. Quá trình quản lý sử dụng vào năm 1995, ông có đi kê khai sổ mục kê nhưng chính quyền địa phương không cho kê khai, lý do đất còn tranh chấp với UBND xã. Năm 2002, UBND huyện C ra quyết định cấp đất cho bà N với diện tích là 13.516m², trong đó có phần đất của ông đang quản lý sử dụng. Năm 2002, ông D2 khởi kiện ra Tòa yêu cầu hủy quyết định của UBND huyện C cấp đất cho bà N. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông D2, Tòa cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, Tòa giám đốc thẩm hủy bản án phúc thẩm, giữ y bản án sơ thẩm. Hiện nay ông P đang yêu cầu Tòa án nhân dân tối cao xem xét theo trình tự tái thẩm nhưng chưa có văn bản trả lời của Tòa án nhân dân tối cao. Nay ông không đồng ý di dời nhà và vật kiến trúc trên đất để giao trả lại đất cho bà M.

Tại phiên tòa ông P trình bày: Đối với phần công sức đóng góp, giữ gìn, tôn tạo đất, phần giá trị căn nhà và công trình kiến trúc trên đất ông không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Tại phiên tòa ông Trần Ngô E trình bày:

Ông là con của ông Trần Thanh P, bà Phan Thị G, công trình kiến trúc trên đất và phần đất tranh chấp hiện nay là tài sản của cha mẹ ông. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Lê Chúc M buộc cha mẹ ông tháo dỡ, di dời tài sản trên đất trả lại cho bà Lê Chúc M phần đất có diện tích 172,8m². Đối với phần công sức đóng góp, gìn giữ, tôn tạo đất, phần giá trị căn nhà và công trình kiến trúc trên đất ông không yêu cầu Tòa án yêu cầu xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Phan Thị G, bà Trần Thị T, ông Trần Ngô E, ông Trần Anh T1, ông Trần Phan D1 vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án thực hiện đúng trình tự tố tụng tuy nhiên có vi phạm thời hạn xét xử. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Thanh P, bà Phan Thị G di dời nhà và trả lại phần đất có diện tích 172,8m²; Áp dụng pháp luật về án phí, lệ phí buộc ông P, bà G chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Tranh chấp giữa bà Lê Chúc M với ông Trần Thanh P, bà Phan Thị G là tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn ông Trần Thanh P, bà Phan Thị G có địa chỉ cư trú

tại huyện P, tỉnh Cà Mau, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Phan Thị G, bà Trần Thị T, ông Trần Anh T1, ông Trần Phan D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Tòa án xét xử vắng mặt bà Phan Thị G, bà Trần Thị T, ông Trần Anh T1, ông Trần Phan Den .

[2] Về nội dung vụ án: Bà Lê Chúc M yêu cầu ông Trần Thanh P, bà Phan Thị G và những người con của ông P, bà G di dời tài sản, công trình kiến trúc trên đất trả lại cho bà phần đất có diện tích 172,8m², tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Ông Trần Thanh P không đồng ý di dời nhà, tài sản trên đất trả lại đất cho bà M. Ông cho rằng, phần đất ông đang cất nhà ở là phần đất được ông Phan Thanh D2 tặng cho ông và bà G từ năm 1992 đến năm 2000 cất nhà kiên cố cho đến nay.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, theo kết quả đo đạc ngày 17/6/2024 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn P2 thì phần đất ông Trần Thanh P và bà Phan Thị G xây nhà ở (theo bản trích hiện trạng phần đất ngày 17/6/2024 có căn nhà số A và một phần căn nhà số B) là đất của bà Lê Chúc M đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 842881 ngày 20 tháng 02 năm 2014 có diện tích là 8.481,2m², thuộc thửa số 132, tờ bản đồ số 10 và thay đổi cơ sở pháp lý cấp tại trang 4 ngày 04 tháng 6 năm 2018, phần diện tích đất còn lại 3.840,6m², phần đất tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Về nguồn gốc đất, theo lời trình bày của bà Lê Chúc M và căn cứ vào hồ sơ vụ án, phần đất của bà Lê Chúc M được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là được bà Trịnh Thị N là mẹ ruột của bà tặng cho năm 2014. Do đó, bà Lê Chúc M yêu cầu ông Trần Thanh P, bà Phan Thị G trả lại cho bà phần đất có diện tích 172,8m² là có căn cứ chấp nhận.

[4] Ông Trần Thanh P không đồng ý di dời nhà, tài sản trên đất trả lại đất cho bà M. Ông cho rằng, phần đất ông đang cất nhà ở là phần đất được ông D2 tặng cho ông và bà G từ năm 1992 đến năm 2000 cất nhà kiên cố cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, phần đất tranh chấp có diện tích 172,8m² mà ông P, bà G đang quản lý và sử dụng là một phần của diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện C ban hành quyết định số 1560/QĐ-UB, ngày 10/12/2002 về việc giải quyết tranh chấp giữa ông Phan Thanh D2 với bà Trịnh Thị N, giao diện tích 13.516m² đất sản xuất hiện nay ông Phan Thanh D2 sản xuất cho bà Trịnh Thị P1 và bà Trịnh Thị N quản lý sản xuất, phần đất tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện C (N là xã P, huyện P), tỉnh Cà Mau. Nội dung yêu cầu đặt ra của ông đã được giải quyết bằng một bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Cụ thể, tại Quyết định giám đốc thẩm số 01/GĐT-HC ngày 24/01/2005 của Tòa hành chính Tòa án nhân dân tối cao tuyên xử **bác** yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh D2 (V); giữ nguyên Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 10/12/2002 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau

về việc giải quyết tranh chấp giữa ông Phan Thanh D2 với bà Trịnh Thị N. Tại phiên tòa, ông P cho rằng ông đang yêu cầu Tòa án Tối cao xem xét theo trình tự tái thẩm nhưng ông không cung cấp được kháng nghị tái thẩm của cấp có thẩm quyền, do đó Quyết định giám đốc thẩm số 01/GĐT-HC ngày 24/01/2005 của Tòa hành chính Tòa án nhân dân tối cao tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh D2 (V) đã có hiệu lực pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh nên ý kiến của ông Trần Thanh P cho rằng nguồn gốc đất là của ông Phan Thanh D2 (V) tặng cho ông là không có căn cứ.

[5] Xét yêu cầu của bà Lê Chúc M buộc ông P, bà G di dời nhà và tài sản trên đất. Theo biên bản thẩm định ngày 23/4/2024 tài sản trên đất gồm có 01 căn nhà số A và một phần căn nhà số B (theo bản vẽ ngày 17/6/2024), cây trồng trên đất gồm có 01 cây me, 02 cây mai vàng và 01 cây ôi. Về căn nhà, bà M, ông P đều xác định nhà và đất được xây dựng từ năm 2000 đến nay. Theo văn bản số 139/UBND xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (Bút lục 238) xác định ông Trần Thanh P và gia đình ông P cất nhà trên đất của bà M từ năm 2000 đến nay. Căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên Tòa và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định căn nhà ông Trần Thanh P, bà Phan Thị G xây trên đất của bà M từ năm 2000.

[5.1] Ông Trần Thanh P cho rằng, vào năm 2007, Đoàn cưỡng chế tiến hành đo đạc cắm mốc phần đất 13.516m² do ông Phan Thanh D2 đang quản lý, sử dụng giao lại cho bà Trịnh Thị N và bà Trịnh Thị P1 thì không có xem xét căn nhà và công trình trên đất mà ông đang quản lý, sử dụng. Lời trình bày của ông P phù hợp với văn bản phúc đáp số 5080/UBND-NC ngày 19/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Cà Mau (Bút lục số 257) cho rằng trong hồ sơ cưỡng chế (ngày 24/10/2007) trên phần đất thuộc tờ bản đồ số 04, thửa số 02 với diện tích 13.516m² không thể hiện căn nhà và cây trồng của ông P trên đất.

[5.2] Nhận thấy, ông Trần Thanh P và bà Phan Thị G đã cất nhà ở trên phần đất của bà M từ năm 2000 đến nay, tại thời điểm ông P cất nhà ở phía bà M có ngăn cản nhưng không cung cấp được chứng cứ. Do đó, bà M buộc ông P, bà G tháo dỡ, di dời nhà và cây trồng trên đất thì phải có nghĩa vụ hỗ trợ cho ông P, bà G một khoản tiền để tháo dỡ, di dời. Tại phiên tòa, ông Trần Thanh P, Trần Nô E không yêu cầu công sức đóng góp, giữ giữ, tôn tạo đất, phần giá trị căn nhà và công trình kiến trúc trên đất nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tại phiên tòa, bà Lê Chúc M tự nguyện hỗ trợ cho ông P, bà G giá trị nhà, cây trồng trên đất theo chứng thư thẩm định giá ngày 14/4/2023 của Công ty cổ phần Đ với số tiền là 33.147.000 đồng, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Chúc M hỗ trợ cho ông P, bà G số tiền là 33.147.000 đồng để tháo dỡ, di dời nhà và cây trồng trên đất tranh chấp.

[6] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Lê Chúc M là có căn cứ được chấp nhận. Buộc ông Trần Thanh P, bà Phan Thị G và những người con của ông P, bà G tháo dỡ, di dời nhà, tài sản, công trình kiến trúc và cây trồng trên đất trả lại cho bà M phần đất có diện tích 172,8m², có các điểm như sau: M1, M2, M3, M4 phần đất tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau

(theo Bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 17/6/2024 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn P2 – Bút lục số 305), đất tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

[7] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung là có căn cứ nên được chấp nhận.

[8] Chi phí đo đạc và án phí. Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí, chi phí tố tụng.

- Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Lê Chúc M không phải chịu; ông Trần Thanh P và bà Phan Thị G phải chịu toàn bộ án phí. Ông P, bà G là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc phần đất là 6.154.200 đồng và chi phí định giá 8.500.000 đồng, tổng cộng là 14.654.200 đồng ông Trần Thanh P và bà Phan Thị G phải chịu. Bà Lê Chúc M đã thanh toán xong các khoản chi phí tố tụng, nay ông P, bà G phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà M số tiền là 14.654.200 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 166 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Chúc M. Buộc ông Trần Thanh P, bà Phan Thị G, bà Trần Thị T, ông Trần Nô E, ông Trần Anh T1 và ông Trần Phan D1 tháo dỡ, di dời nhà, công trình kiến trúc, cây trồng trên đất trả lại cho bà Lê Chúc M phần đất tại thửa số 1 có diện tích 172,8m² có các điểm như sau: M1, M2, M3, M4 phần đất tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (theo Bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 30/3/2024 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn P2 – Bút lục số 305).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Chúc M có nghĩa vụ hỗ trợ cho ông Trần Thanh P, bà Phan Thị G số tiền 33.223.000 đồng.

3. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Về án phí: Bà Lê Chúc M không phải chịu án phí. Bà Lê Chúc M đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0018097, ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông Trần Thanh P và bà Phan Thị G là người cao

tuổi và có đơn xin miễn án phí nên ông Trần Thanh P và bà Phan Thị G được miễn án phí.

- Chi phí tố tụng: Buộc ông Trần Thanh P, bà Phan Thị G có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Lê Chúc M 14.654.200 đồng tiền chi phí đo đạc và định giá.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Bình